



Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập Quyết định số 105/2004/QĐ-BCN do Bộ Công Thương ban hành ngày 5 tháng 10 năm 2004.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100101308

ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là lần thứ 19 vào ngày 19 tháng 8 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tiến Trường
Ông Vũ Đức Giang

Chủ tịch (từ ngày 6/6/2026)
Chủ tịch (đến ngày 6/6/2026)
Phó Chủ tịch (từ ngày 6/6/2026)
Phó Chủ tịch (đến ngày 6/6/2026)
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 6/6/2026)
Thành viên (đến ngày 6/6/2026)

Ông Đặng Vũ Hùng
Ông Thân Đức Việt
Ông Bạch Thăng Long
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Ban Tổng Giám đốc

Ông Thân Đức Việt
Ông Bạch Thăng Long
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy
Ông Nguyễn Ánh Dương
Bà Phạm Bích Hồng
Ông Hoàng Thế Nhu
Ông Hà Mạnh
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 5/1/2026)
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 5/1/2026)

Ban Kiểm soát

Bà Tạ Thu Hà
Bà Nguyễn Thị Nga
Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 765, Đường Nguyễn Văn Linh
Phường Phúc Lợi, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty và công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 54 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) và công ty con, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 54.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-02-00256-26-2



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Thùy Trang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3846-2022-007-1

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		2.180.176.515.905	2.094.088.030.559
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	10	124.811.071.939	100.898.329.570
Tiền	111		122.800.688.956	98.894.585.181
Các khoản tương đương tiền	112		2.010.382.983	2.003.744.389
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		522.287.102.064	445.073.492.702
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	11	522.287.102.064	445.073.492.702
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		473.924.529.803	539.757.511.852
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	12	526.480.848.585	596.292.549.199
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	13	29.643.250.720	28.696.230.863
Phải thu ngắn hạn khác	135	14(a)	5.460.471.136	6.682.918.532
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	15	(87.660.040.638)	(91.914.186.742)
Hàng tồn kho	140	16	963.244.515.155	898.040.587.496
Hàng tồn kho	141		967.197.992.850	902.149.393.965
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(3.953.477.695)	(4.108.806.469)
Tài sản ngắn hạn khác	160		95.909.296.944	110.318.108.939
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		6.628.687.165	6.985.280.731
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		88.958.766.912	103.321.364.208
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	24	321.842.867	11.464.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 270)	200		723.614.523.749	652.670.498.869
Các khoản phải thu dài hạn	210		9.343.448.652	7.325.494.046
Phải thu dài hạn khác	215	14(b)	9.343.448.652	7.325.494.046
Tài sản cố định	220		627.265.753.295	577.753.803.837
Tài sản cố định hữu hình	221	17	622.992.674.864	576.053.576.897
<i>Nguyên giá</i>	222		2.030.825.183.814	1.925.049.138.196
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.407.832.508.950)	(1.348.995.561.299)
Tài sản cố định vô hình	227	18	4.273.078.431	1.700.226.940
<i>Nguyên giá</i>	228		17.208.895.983	17.533.895.983
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(12.935.817.552)	(15.833.669.043)
Tài sản dở dang dài hạn	250		17.112.543.377	10.482.429.703
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	19	17.112.543.377	10.482.429.703
Tài sản dài hạn khác	270		69.892.778.425	57.108.771.283
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	20	69.892.778.425	57.108.771.283
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		2.903.791.039.654	2.746.758.529.428

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.220.006.980.862	2.061.806.178.742
Nợ ngắn hạn	310		2.021.415.744.193	1.864.467.749.838
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	823.864.151.818	761.596.917.418
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	22	33.457.375.155	15.431.712.969
Phải trả cổ tức	313	23	37.500.034.168	595.791.493
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước ngắn hạn	314	24	15.730.052.003	38.002.425.600
Phải trả người lao động	315		274.907.955.933	385.289.274.226
Chi phí phải trả ngắn hạn	316		4.767.528.462	4.479.048.733
Phải trả ngắn hạn khác	320	25(a)	8.909.908.333	6.334.675.695
Vay ngắn hạn	321	26(a)	709.567.034.873	564.860.586.546
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	27	112.711.703.448	87.877.317.158
Nợ dài hạn	330		198.591.236.669	197.338.428.904
Phải trả dài hạn khác	338	25(b)	2.360.604.850	2.420.604.850
Vay dài hạn	339	26(b)	175.678.841.048	173.844.012.433
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344	28	20.551.790.771	21.073.811.621

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	29	683.784.058.792	684.952.350.686
Vốn cổ phần	411	30	317.510.000.000	317.510.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		317.510.000.000	317.510.000.000
Thặng dư vốn	412		5.382.400.000	5.382.400.000
Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(2.440.000)	(2.440.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	32	270.905.695.935	180.973.841.321
Lợi nhuận sau thuế (“LNST”) chưa phân phối	420		89.988.402.857	181.088.549.365
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		7.557.818.906	2.118.548.478
- Lợi nhuận kỳ này/năm nay	420b		82.430.583.951	178.970.000.887
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.903.791.039.654	2.746.758.529.428

Ngày 26 tháng 8 năm 2026

Người lập

Người duyệt

Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Trần Thanh Bình
Kế toán trưởng

Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	34	2.464.000.978.878	2.414.542.137.137
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	34	5.072.727	12.065.456
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	34	2.463.995.906.151	2.414.530.071.681
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	35	2.200.930.477.593	2.189.627.596.689
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		263.065.428.558	224.902.474.992
Doanh thu hoạt động tài chính	22	36	44.618.415.710	65.968.117.719
Chi phí tài chính	23	37	29.066.680.553	39.620.050.584
<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	24		<i>18.051.312.959</i>	<i>12.775.219.818</i>
Chi phí bán hàng	25	38	118.430.660.877	107.215.639.706
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	39	62.858.717.949	57.676.080.444
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - 23 - (25 + 26)}	30		97.327.784.889	86.358.821.977
Thu nhập khác	31	40	2.784.114.425	6.182.704.812
Chi phí khác	32		1.800.539.917	3.129.183.438
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		983.574.508	3.053.521.374
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		98.311.359.397	89.412.343.351
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	42	15.880.775.446	13.787.034.945
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)	60		82.430.583.951	75.625.308.406

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

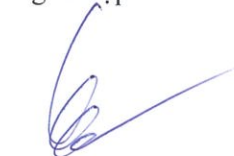
Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (mang sang từ trang trước)			82.430.583.951	75.625.308.406
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		82.430.583.951	75.625.308.406
Lãi trên cổ phiếu				(Đã điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	43	2.218	1.815

Ngày 26 tháng 8 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt



Trần Thanh Bình
Kế toán trưởng



Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Lợi nhuận trước thuế	01		98.311.359.397	89.412.343.351	20.
Điều chỉnh cho các khoản					
Khấu hao tài sản cố định	02		59.576.727.812	47.050.942.144	IG
Các khoản dự phòng	03		(4.409.474.878)	5.157.061.862	HN
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.827.382.557	1.015.847.081	
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(20.717.917.455)	(9.943.688.613)	HỒ
Chi phí đi vay	06		18.051.312.959	12.775.219.818	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		154.639.390.392	145.467.725.643	
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09		77.287.663.653	(55.624.370.481)	
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(65.048.598.885)	96.595.746.946	
Giảm các khoản phải trả	11		(46.106.909.216)	(145.926.331.909)	
(Tăng), giảm chi phí chờ phân bổ	12		(12.427.413.576)	2.324.705.366	
			108.344.132.368	42.837.475.565	
Chi phí đi vay đã trả	14		(17.782.890.906)	(12.809.036.811)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(39.508.732.418)	(38.215.330.013)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(11.138.355.555)	(6.465.680.031)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.914.153.489	(14.652.571.290)	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(93.344.534.735)	(103.828.104.200)	
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		13.500.000	227.272.727	
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23		(436.590.814.000)	(393.552.626.645)	
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		364.800.000.000	406.862.904.111	
Tiền thu lãi tiền gửi	27		12.041.029.004	13.278.371.945	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(153.080.819.731)	(77.012.182.062)	

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		710.292.672.840	627.703.461.975
Tiền trả nợ gốc vay	34		(562.544.430.685)	(589.883.539.597)
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36		(10.721.891.325)	(31.716.908.378)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		137.026.350.830	6.103.014.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		23.859.684.588	(85.561.739.352)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	10	100.898.329.570	231.856.066.687
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		53.057.781	(410.296.824)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	10	124.811.071.939	145.884.030.511

Ngày 26 tháng 8 năm 2026

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt

Trần Thanh Bình
Kế toán trưởng

Thân Đức Việt
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 bao gồm Tổng Công ty và công ty con.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và công ty con là:

- sản xuất quần áo và các phụ liệu của ngành may mặc;
- kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- kinh doanh bất động sản, văn phòng và nhà cho công nhân thuê;
- đào tạo nghề;
- cung cấp chương trình giáo dục mầm non và chăm sóc nuôi dạy trẻ;
- xuất nhập khẩu trực tiếp;
- sản xuất và kinh doanh các loại nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu và hóa chất cho ngành may mặc;
- kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng thuộc lĩnh vực siêu thị; và
- kinh doanh nhà hàng, khách sạn.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tổng Công ty có 1 công ty con (1/1/2026: 1 công ty con).

Tên công ty con	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế	
			30/6/2026	1/1/2026
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thời trang May 10	Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc	100%	100%

Trước đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty con khác của Tổng Công ty là Công ty TNHH May Phù Đồng đã được hoàn tất thủ tục giải thể.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tổng Công ty và công ty con có 6.954 nhân viên (1/1/2026: 6.958 nhân viên).

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán sáu tháng của Tổng Công ty và công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC (“Thông tư 43”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 43 có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Tổng Công ty và công ty con đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 và Thông tư 43 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Tổng Công ty và công ty con và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính hợp nhất, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4(b));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(d));
- Các khoản phải thu (Thuyết minh số 4(e));
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 4(l)).

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Ngoại trừ các thay đổi trọng yếu trong chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3, những chính sách kế toán được Tổng Công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ một phần của các khoản phải thu đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản mục đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và công ty con mở tài khoản tiền gửi. Các khoản mục đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính không được đánh giá lại chênh lệch tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các tỷ lệ nêu trên là mức trích lập tham chiếu. Căn cứ vào đánh giá khả năng thu hồi thực tế và các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty và công ty con có thể trích lập dự phòng với tỷ lệ cao hơn đối với các khoản phải thu có rủi ro tổn thất cao. Các khoản phải thu không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ phù hợp theo mức công suất bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2,5 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2,5 – 7 năm
▪ thiết bị quản lý	2,5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 tháng đến 36 tháng.

(ii) Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng

Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản

Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian từ 18 tháng đến 36 tháng.

(iv) Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác

Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác bao gồm các chi phí bảo hiểm, chi phí thuê cửa hàng và các chi phí khác được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng từ 14 tháng đến 36 tháng.

(k) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(l) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận tại thời điểm Đại Hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty thông qua việc phân phối cổ tức cho cổ đông.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(ii) Cổ phiếu mua lại của chính mình

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi Tổng Công ty mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại trước ngày 1 tháng 1 năm 2021 được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu mua lại của chính mình chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu. Khi cổ phiếu mua lại của chính mình được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi không được ghi nhận đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trích lập dự phòng tổn thất do không có khả năng thu hồi.

(p) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán kỳ báo cáo chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định rằng Tổng Công ty và công ty con hoạt động trong một bộ phận phân chia theo hoạt động kinh doanh duy nhất đó là sản xuất, gia công và kinh doanh các mặt hàng dệt may. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty và công ty con được lập theo vùng địa lý dựa trên vị trí của khách hàng do địa điểm sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và công ty con được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con trong kỳ trước.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán được thực hiện tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm trước ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

7. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty và công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Tổng Công ty và công ty con không có thay đổi đáng kể nào khác trong cơ cấu trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

9. Báo cáo bộ phận chia theo vùng địa lý

Tổng Công ty và công ty con gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Châu Á (không bao gồm Việt Nam)
- Châu Âu
- Châu Mỹ
- Việt Nam
- Các vùng khác

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026**

	Châu Á (không bao gồm Việt Nam) VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	162.474.111.219	437.574.448.101	1.544.591.525.495	212.509.511.196	106.846.310.140	2.463.995.906.151
Kết quả kinh doanh của bộ phận	12.293.589.283	40.641.303.423	149.175.921.692	55.298.869.720	5.655.744.440	263.065.428.558
Thu nhập không phân bổ						44.618.415.710
Chi phí không phân bổ						(210.356.059.379)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh						97.327.784.889
Thu nhập khác						2.784.114.425
Chi phí khác						(1.800.539.917)
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(15.880.775.446)
Lợi nhuận thuần sau thuế						82.430.583.951

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

	Châu Á (không bao gồm Việt Nam) VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	235.265.203.186	463.896.373.856	1.375.100.969.639	203.980.577.255	136.286.947.745	2.414.530.071.681
Kết quả kinh doanh của bộ phận	14.794.319.656	24.722.125.546	138.561.887.808	41.265.073.897	5.559.068.085	224.902.474.992
Thu nhập không phân bổ						65.968.117.719
Chi phí không phân bổ						(204.511.770.734)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh						86.358.821.977
Thu nhập khác						6.182.704.812
Chi phí khác						(3.129.183.438)
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(13.787.034.945)
Lợi nhuận thuần sau thuế						75.625.308.406

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***Tại ngày 30/6/2026**

	Châu Á (không bao gồm Việt Nam) VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	30.787.832.579	64.108.346.661	369.558.886.396	28.741.113.574	33.284.669.375	526.480.848.585
Tài sản không phân bổ						2.377.310.191.069
Tổng tài sản						2.903.791.039.654
Nợ phải trả của bộ phận	-	1.145.211.054	8.497.458.722	14.084.073.323	9.730.632.056	33.457.375.155
Nợ phải trả không phân bổ						2.186.549.605.707
Tổng nợ phải trả						2.220.006.980.862
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026						
Chi tiêu vốn						93.344.534.735
Khấu hao tài sản cố định hữu hình						59.591.787.651
Khấu hao tài sản cố định vô hình						467.148.509

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***Tại ngày 1/1/2026**

	Châu Á (không bao gồm Việt Nam) VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Việt Nam VND	Các vùng khác VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	21.693.096.350	95.025.065.685	427.734.769.715	48.677.836.460	3.161.780.989	596.292.549.199
Tài sản không phân bổ						2.150.465.980.229
Tổng tài sản						2.746.758.529.428
Nợ phải trả của bộ phận	-	-	10.325.050.480	3.710.936.716	1.395.725.773	15.431.712.969
Nợ phải trả không phân bổ						2.046.374.465.773
Tổng nợ phải trả						2.061.806.178.742
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025						
Chi tiêu vốn						103.828.104.200
Khấu hao tài sản cố định hữu hình						46.800.079.692
Khấu hao tài sản cố định vô hình						250.862.452

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

10. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tiền mặt	1.824.082.072	1.798.786.347
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	120.976.606.884	97.095.798.834
Các khoản tương đương tiền (**)	2.010.382.983	2.003.744.389
 Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	 124.811.071.939	 100.898.329.570

(*) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	89.473.159.726	66.760.586.216
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	23.580.838.931	3.366.364.074
Các ngân hàng khác	7.922.608.227	26.968.848.544
	120.976.606.884	97.095.798.834

(**) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và được hưởng lãi suất từ 1,5% đến 2,4% (1/1/2026: từ 1,5% đến 1,6%) một năm. Các khoản tương đương tiền có số dư trên 10% tổng số dư tương đương tiền của Tổng Công ty và công ty con như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	2.010.382.983	2.003.744.389

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***11. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND và USD, có kỳ hạn gốc 6 tháng tại các ngân hàng thương mại. Các khoản tiền gửi VND hưởng lãi suất từ 3,4% đến 9,1% (1/1/2026: từ 3,9% đến 7,3%) một năm. Các khoản tiền gửi bằng USD không hưởng lãi. Chi tiết các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty và công ty con như sau:

	30/6/2026			1/1/2026		
	Giá trị phân bổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị phân bổ VND (Đã phân loại lại)	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC	202.895.498.521	202.895.498.521	-	202.271.649.315	202.271.649.315	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	165.514.777.575	165.514.777.575	-	149.006.153.699	149.006.153.699	-
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga	87.801.226.698	87.801.226.698	-	70.931.741.207	70.931.741.207	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác	66.075.599.270	66.075.599.270	-	22.863.948.481	22.863.948.481	-
	522.287.102.064	522.287.102.064	-	445.073.492.702	445.073.492.702	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có giá trị 86.060 triệu VND (1/1/2026: 48.422 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty và công ty con (Thuyết minh 26(a)).

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Li & Fung Trading Ltd	107.399.462.624	(87.660.040.638)	116.682.414.709	(91.914.186.742)
Abercrombie & Fitch				
Trading Co	97.062.540.054	-	108.800.753.406	-
Asmara International				
Limited	51.075.837.554	-	99.215.852.360	-
Oktava Co., Ltd				
(Hongkong)	17.394.477.405	-	83.531.000.920	-
Lever Style Limited	10.823.184.863	-	59.514.727.574	-
Các khách hàng khác	242.725.346.085	-	128.547.800.230	-
	526.480.848.585	(87.660.040.638)	596.292.549.199	(91.914.186.742)

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Tập đoàn Dệt May				
Việt Nam	5.592.455.602	-	5.918.267.715	-

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 ngày đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

13. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp và Thương mại Minh Anh	5.237.526.630	4.494.651.215
Công ty TNHH LeTrading Việt Nam	2.721.600.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Trường Lộc	-	2.823.660.000
Các nhà cung cấp khác	21.684.124.090	21.377.919.648
	29.643.250.720	28.696.230.863

14. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
		(Đã phân loại lại)
Kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng trừ dần vào tiền thuê đất (*)	351.836.641	351.836.641
Tạm ứng cho nhân viên	1.143.695.163	721.043.000
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.836.785.692	4.280.524.323
Phải thu ngắn hạn khác	2.128.153.640	1.329.514.568
	5.460.471.136	6.682.918.532

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	4.219.120.504	2.028.146.012
Kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng trừ dần vào tiền thuê đất (*)	861.834.588	1.037.753.088
Phải thu dài hạn khác	4.262.493.560	4.259.594.946
	9.343.448.652	7.325.494.046

(*) Đây là khoản bồi thường giải phóng mặt bằng trả thay cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thanh Hóa liên quan đến Dự án mở rộng Xí Nghiệp May Bim Sơn. Khoản này sẽ được bù trừ với tiền thuê đất trong tương lai.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

15. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	30/6/2026			Thời gian quá hạn	1/1/2026		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Li & Fung Trading Ltd	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	87.660.040.638	(87.660.040.638)	-	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	91.914.186.742	(91.914.186.742)	-

16. Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	18.821.959.841	-	31.555.465.373	-
Nguyên liệu, vật liệu	416.288.098.305	-	355.045.517.936	-
Công cụ và dụng cụ	642.241.525	-	967.685.751	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	155.888.981.704	-	138.569.177.333	-
Sản phẩm	299.779.759.920	(3.953.477.695)	278.416.610.183	(4.108.806.469)
Hàng hóa	19.479.248.452	-	17.759.506.011	-
Hàng gửi đi bán	56.297.703.103	-	79.835.431.378	-
	967.197.992.850	(3.953.477.695)	902.149.393.965	(4.108.806.469)

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	618.464.068.432	994.271.097.618	62.493.446.062	249.820.526.084	1.925.049.138.196
Tăng trong kỳ	2.965.762.419	71.536.953.251	3.801.600.000	22.485.878.339	100.790.194.009
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	257.256.608	-	5.483.435.001	5.740.691.609
Thanh lý	-	(183.500.000)	-	(571.340.000)	(754.840.000)
Số dư cuối kỳ	621.429.830.851	1.065.881.807.477	66.295.046.062	277.218.499.424	2.030.825.183.814
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	311.414.057.405	832.948.974.340	50.281.051.006	154.351.478.548	1.348.995.561.299
Khấu hao trong kỳ	13.937.745.554	29.113.531.217	2.352.828.100	14.187.682.780	59.591.787.651
Thanh lý	-	(183.500.000)	-	(571.340.000)	(754.840.000)
Số dư cuối kỳ	325.351.802.959	861.879.005.557	52.633.879.106	167.967.821.328	1.407.832.508.950
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	307.050.011.027	161.322.123.278	12.212.395.056	95.469.047.536	576.053.576.897
Số dư cuối kỳ	296.078.027.892	204.002.801.920	13.661.166.956	109.250.678.096	622.992.674.864

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 1.032.653 triệu VND (1/1/2026: 1.021.883 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 210.949 triệu VND (1/1/2026: 236.473 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty và công ty con (Thuyết minh 26(b)).

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026, các tài sản cố định hữu hình chủ yếu đang được sử dụng của Tổng Công ty và công ty con như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Nhà xưởng sản xuất xí nghiệp Bim Sơn 2022	73.067.677.852	74.807.614.618
Nhà xưởng 5 tầng xí nghiệp Thái Hà – Gia Lễ	65.814.201.697	67.195.890.625
Các tài sản cố định hữu hình khác	484.110.795.315	434.050.071.654
	622.992.674.864	576.053.576.897

18. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	15.145.898.335	2.387.997.648	17.533.895.983
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.040.000.000	-	3.040.000.000
Thanh lý	(3.365.000.000)	-	(3.365.000.000)
Số dư cuối kỳ	14.820.898.335	2.387.997.648	17.208.895.983
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	13.445.671.395	2.387.997.648	15.833.669.043
Khấu hao trong kỳ	467.148.509	-	467.148.509
Thanh lý	(3.365.000.000)	-	(3.365.000.000)
Số dư cuối kỳ	10.547.819.904	2.387.997.648	12.935.817.552
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	1.700.226.940	-	1.700.226.940
Số dư cuối kỳ	4.273.078.431	-	4.273.078.431

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 11.527 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: 14.892 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026, các tài sản cố định vô hình chủ yếu đang được sử dụng của Tổng Công ty và công ty con như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Phần mềm kế toán Bravo 10	2.961.548.387	-
Phần mềm hệ thống quản trị xuất nhập khẩu	336.290.323	448.790.323
Các tài sản cố định vô hình khác	975.239.721	1.251.436.617
	4.273.078.431	1.700.226.940

19. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2025
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.482.429.703	76.485.875.449
Tăng trong kỳ	15.410.805.283	64.568.132.180
Lãi vay vốn hóa	-	1.562.298.322
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.740.691.609)	(128.759.293.665)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(3.040.000.000)	-
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ dài hạn	-	(1.798.905.478)
Chuyển hạch toán chi phí	-	(223.398.945)
Số dư cuối kỳ	17.112.543.377	11.834.707.863

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Máy móc chờ lắp đặt	5.779.877.243	3.163.328.889
Cải tạo hệ thống phòng cháy chữa cháy tại xí nghiệp Hà Quảng	3.772.142.667	159.622.358
Dự án nâng cấp trạm biến áp tại Tổng Công ty	-	2.401.835.736
Các dự án khác	7.560.523.467	4.757.642.720
	17.112.543.377	10.482.429.703

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	21.500.783.031	2.443.616.880	28.753.570.260	4.410.801.112	57.108.771.283
Tăng trong kỳ	13.447.418.664	-	14.146.220.433	1.094.951.597	28.688.590.694
Phân bổ trong kỳ	(6.026.738.667)	(56.662.644)	(8.414.276.863)	(1.406.905.378)	(15.904.583.552)
Số dư cuối kỳ	28.921.463.028	2.386.954.236	34.485.513.830	4.098.847.331	69.892.778.425

21. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Allied Global Corporation Limited	72.248.082.239	50.881.245.400
Fu Yuan International Holdings Pte. Limited	63.219.188.917	5.273.334.153
Topsun Garment Limited	52.740.892.442	85.384.382.426
Oktava Co., Ltd	46.369.393.572	91.918.123.010
Các nhà cung cấp khác	589.286.594.648	528.139.832.429
	823.864.151.818	761.596.917.418

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	-	139.600.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026, Tổng Công ty và công ty con không có khoản phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

22. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	12.379.519.500	-
Lever Style Limited	5.403.643.782	6.232.437.708
Water Industries Inc	3.521.971.313	-
Fu Yuan International Holdings Pte Limited	2.995.778.556	3.568.076.966
Các khách hàng khác	9.156.462.004	5.631.198.295
	33.457.375.155	15.431.712.969

23. Phải trả cổ tức

	30/6/2026		1/1/2026	
	Thời gian thanh toán	VND	Thời gian thanh toán	VND
				(Đã phân loại lại)
Trả cổ tức bằng tiền	Ngày 1 tháng 7 năm 2026	37.500.034.168	Ngày 25 tháng 7 năm 2025	595.791.493

Số dư cổ tức phải trả một phần bao gồm các khoản cổ tức đã được công bố nhưng chưa thanh toán do một số cổ đông thiểu số chưa cung cấp đầy đủ thông tin hoặc chưa thực hiện thủ tục nhận cổ tức.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

24. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	1/1/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.012.790.466	19.392.508.300	(18.082.109.434)	4.323.189.332
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.867.951.972	15.880.775.446	(39.508.732.418)	9.239.995.000
Thuế thu nhập cá nhân	1.416.133.251	6.846.415.558	(6.680.326.182)	1.582.222.627
Thuế nhà thầu	655.649.864	293.979.371	(689.640.274)	259.988.961
Thuế xuất nhập khẩu	49.900.047	1.058.418.952	(783.662.916)	324.656.083
Thuế đất	(11.464.000)	7.165.226.570	(7.475.605.437)	(321.842.867)
Các loại thuế khác	-	453.910.931	(453.910.931)	-
	37.990.961.600	51.091.235.128	(73.673.987.592)	15.408.209.136
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải thu	(11.464.000)			(321.842.867)
Thuế phải nộp	38.002.425.600			15.730.052.003

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

25. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
Kinh phí công đoàn	4.557.542.127	2.949.366.917
Lãi vay phải trả	658.559.075	390.137.022
Tiền bồi thường nhận được cho việc di dời		
Xí nghiệp may Thái Hà	-	908.045.818
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.693.807.131	2.087.125.939
	8.909.908.333	6.334.675.696

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Đặt cọc dài hạn	2.360.604.850	2.420.604.850

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

26. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2026	Biến động trong kỳ			30/6/2026
	Giá trị ghi sổ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ VND
Vay ngắn hạn	497.804.762.918	682.466.601.266	(530.900.997.008)	1.191.077.876	650.561.445.052
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 26(b))	67.055.823.628	26.855.242.959	(34.905.476.766)	-	59.005.589.821
	564.860.586.546	709.321.844.225	(565.806.473.774)	1.191.077.876	709.567.034.873

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Khoản vay ngân hàng 1	USD	329.188.993.794	200.469.225.920
Khoản vay ngân hàng 2	USD	169.945.277.342	182.957.862.696
Khoản vay ngân hàng 3	USD	151.427.173.916	114.377.674.302
		650.561.445.052	497.804.762.918

Khoản vay ngân hàng 3 được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 86.060 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: 48.422 triệu VND) (Thuyết minh 11). Các khoản vay ngắn hạn khác từ các ngân hàng khác không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của các ngân hàng trong từng thời kỳ.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Khoản vay ngân hàng 4	VND	2026 - 2028	180.829.041.610	165.472.970.042
Khoản vay ngân hàng 5	VND	2026 - 2029	50.275.389.259	72.710.866.019
Vay cá nhân	VND	2026 - 2030	3.580.000.000	2.716.000.000
			234.684.430.869	240.899.836.061
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 26(a))			(59.005.589.821)	(67.055.823.628)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng			175.678.841.048	173.844.012.433

Các khoản vay từ các ngân hàng có lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của các ngân hàng trong từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 210.949 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: 236.473 triệu VND) (Thuyết minh 17).

Vay cá nhân thể hiện các khoản vay từ cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty từ tiền thưởng phải trả hàng năm. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo với lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng vay cụ thể.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại Hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty và Ban lãnh đạo của công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng Công ty và công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	87.877.317.158	86.217.748.659
Trích lập trong kỳ	35.972.741.845	14.868.223.789
Sử dụng trong kỳ	(11.138.355.555)	(6.465.680.031)
Số dư cuối kỳ	112.711.703.448	94.620.292.417

28. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	21.073.811.621	11.913.343.334
Khấu hao trong kỳ	(482.208.348)	(136.536.054)
Điều chỉnh khác	(39.812.502)	-
Số dư cuối kỳ	20.551.790.771	11.776.807.280

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

29. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu mua lại của chính mình VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2025	317.510.000.000	5.382.400.000	(2.440.000)	146.281.319.147	99.305.834.123	702.359.530	569.179.472.800
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	75.625.308.406	-	75.625.308.406
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	34.692.522.174	(34.692.522.174)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	(14.868.223.789)	-	(14.868.223.789)
Cổ tức (Thuyết minh 31)	-	-	-	-	(47.626.133.998)	-	(47.626.133.998)
Số dư tại ngày 30/6/2025	317.510.000.000	5.382.400.000	(2.440.000)	180.973.841.321	77.744.262.568	702.359.530	582.310.423.419
Số dư tại ngày 1/1/2026	317.510.000.000	5.382.400.000	(2.440.000)	180.973.841.321	181.088.549.365	-	684.952.350.686
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	82.430.583.951	-	82.430.583.951
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	89.931.854.614	(89.931.854.614)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	(35.972.741.845)	-	(35.972.741.845)
Cổ tức (Thuyết minh 31)	-	-	-	-	(47.626.134.000)	-	(47.626.134.000)
Số dư tại ngày 30/6/2026	317.510.000.000	5.382.400.000	(2.440.000)	270.905.695.935	89.988.402.857	-	683.784.058.792

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

30. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	31.751.000	317.510.000.000	31.751.000	317.510.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	31.751.000	317.510.000.000	31.751.000	317.510.000.000
Cổ phiếu mua lại của chính mình				
Cổ phiếu phổ thông	(244)	(2.440.000)	(244)	(2.440.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	31.750.756	317.507.560.000	31.750.756	317.507.560.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	30/6/2026 và 1/1/2026		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	10.227.398	102.273.980.000	32,21
Các cổ đông khác	21.523.358	215.233.580.000	67,79
	31.750.756	317.507.560.000	100

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

31. Cổ tức

Ngày 6 tháng 6 năm 2026, Đại Hội đồng Cổ đông Tổng Công ty đã phê duyệt quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2025 với số tiền là 47.626 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025: 47.626 triệu VND).

32. Quỹ đầu tư phát triển

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông ngày 6 tháng 6 năm 2026, Tổng Công ty và công ty con đã trích 89.932 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025: 34.693 triệu VND) từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2025 vào quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

33. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Trong vòng một năm	26.285.378.275	26.003.902.645
Trong vòng hai đến năm năm	76.098.768.922	79.226.879.207
Sau năm năm	82.198.349.705	87.749.659.676
	184.582.496.902	192.980.441.528

Các tài sản thuê hoạt động bao gồm:

	Số lượng	Thời hạn thuê	30/6/2026	1/1/2026
			VND	VND
Thuê đất	10 hợp đồng	30 – 50 năm	146.718.832.740	155.414.763.916
Thuê cửa hàng	25 hợp đồng	1 – 10 năm	37.863.664.162	37.565.677.612
			184.582.496.902	192.980.441.528

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

	Đơn vị	30/6/2026	1/1/2026
Vải nhận gia công	Mét	1.472.179	1.394.308
Dụng nhận gia công	Mét	536.835	385.263
Vật tư, hàng hóa khác nhận gia công	Mét	129.135	108.274

	30/6/2026		1/1/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	4.113.573	108.167.647.504	2.203.760	57.467.460.733
Euro (“EUR”)	109	3.292.678	408	12.401.738
		108.170.940.182		57.479.862.471

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	12.769.749.803	80.198.904.006
Đã được duyệt và ký kết hợp đồng	31.730.917.082	73.843.593.780
	44.500.666.885	154.042.497.786

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(e) Hợp đồng hoán đổi tiền tệ và lãi suất

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tổng Công ty và công ty con có các cam kết mua ngoại tệ theo các hợp đồng hoán đổi tiền tệ và lãi suất chéo để phòng ngừa rủi ro tỷ giá và lãi suất phát sinh từ các khoản vay bằng ngoại tệ. Chi tiết các hợp đồng còn hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận là một khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Cam kết hợp đồng hoán đổi tiền tệ và lãi suất	292.638.780.022	-

34. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	2.285.793.272.732	2.193.579.925.729
▪ Cung cấp dịch vụ	24.055.344.776	20.439.516.359
▪ Dịch vụ gia công	154.152.361.370	200.522.695.049
	2.464.000.978.878	2.414.542.137.137
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(5.072.727)	(12.065.456)
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.463.995.906.151	2.414.530.071.681

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

35. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Hàng hóa và sản phẩm đã bán	2.102.835.762.624	1.978.891.551.314
Dịch vụ đã cung ứng	14.078.160.485	10.566.988.166
Dịch vụ gia công	84.171.883.258	196.751.180.900
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(155.328.774)	3.417.876.309
	2.200.930.477.593	2.189.627.596.689

36. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi	17.333.606.366	12.083.274.459
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.326.114.408	53.844.069.648
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	28.253.473	24.063.404
Doanh thu hoạt động tài chính khác	930.441.463	16.710.208
	44.618.415.710	65.968.117.719

37. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	18.051.312.959	12.775.219.818
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.159.442.161	25.804.684.816
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.855.636.030	1.039.910.485
Chi phí tài chính khác	289.403	235.465
	29.066.680.553	39.620.050.584

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

38. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	46.666.998.556	40.072.301.184
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.290.612.040	2.803.347.158
Chi phí quảng cáo	6.271.053.708	3.908.798.015
Chi phí vận chuyển hàng xuất khẩu	11.925.617.198	6.528.876.577
Chi phí xuất khẩu	21.415.316.383	22.494.589.009
Chi phí thuê cửa hàng	10.082.613.785	10.049.309.186
Chi phí bán hàng khác	19.778.449.207	21.358.418.577
	118.430.660.877	107.215.639.706

39. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	33.558.008.638	28.430.939.009
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.269.280.894	2.867.145.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.887.934.121	14.430.842.588
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(4.254.146.104)	1.739.185.553
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.397.640.400	10.207.967.652
	62.858.717.949	57.676.080.444

40. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tiền phạt thu được từ các đơn vị khác	1.358.894.481	318.400.428
Tiền hỗ trợ di dời tài sản nhà máy Thái Hà	908.045.818	5.451.517.021
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	43.500.000	-
Các khoản khác	473.674.126	412.787.363
	2.784.114.425	6.182.704.812

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

41. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.204.972.837.457	1.168.487.610.940
Chi phí nhân viên	569.316.547.584	522.256.901.598
Chi phí khấu hao	59.576.727.812	47.050.942.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	466.563.028.471	442.460.503.585
Chi phí khác	44.483.148.196	49.259.437.381

42. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	15.880.775.446	13.395.222.561
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	391.812.384
Chi phí thuế thu nhập	15.880.775.446	13.787.034.945

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	98.311.359.397	89.412.343.351
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	19.662.271.879	17.882.468.670
Chi phí không được khấu trừ thuế	287.146.437	67.044.115
Ảnh hưởng của các điều chỉnh hợp nhất	(23.516.636)	173.514.273
Giảm thuế (*)	(4.139.237.000)	(4.672.444.445)
Biến động các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	106.996.346	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	(12.885.580)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗ tính thuế	-	3.428.567
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	391.812.384
Các khoản mục khác	-	(58.788.619)
	15.880.775.446	13.787.034.945

(*) Tổng Công ty và công ty con được hưởng ưu đãi giảm số thuế thu nhập tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Lỗ tính thuế	1.113.692.038	222.738.408	1.178.119.939	235.623.988

Lỗ tính thuế phát sinh từ công ty con là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thời trang May 10. Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào năm 2029.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

43. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo dự kiến và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
	Đã điều chỉnh lại	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	82.430.583.951	75.625.308.406
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	(12.000.000.000)	(17.986.370.922)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	70.430.583.951	57.638.937.484

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tổng Công ty ước tính số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 sẽ được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 12.000 triệu VND dựa trên tỷ lệ trích quỹ thực tế của năm 2025 và kết quả kinh doanh dự kiến cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

(ii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	Đã điều chỉnh lại	
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	70.430.583.951	57.638.937.484
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	31.750.756	31.750.756
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.218	1.815

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(iii) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được điều chỉnh lại theo số phân bổ thực tế lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 27) như sau:

	Lợi nhuận thuần VND	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	68.125.308.406	31.750.756	2.146
Ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(10.486.370.922)	-	(331)
Số điều chỉnh lại	57.638.937.484	31.750.756	1.815

44. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty và công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Bên liên quan khác		
<i>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</i>		
Chia cổ tức	15.341.097.000	15.341.097.000
Bán hàng hóa	6.297.642.160	7.608.725.630
<i>Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú</i>		
Bán hàng hóa	2.422.222	2.526.852
<i>Công ty Cổ phần May Nam Định</i>		
Mua hàng hóa	-	1.133.091.666

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>		
Thù lao và thưởng	810.000.000	670.000.000
<i>Tổng Giám đốc</i>		
Lương và thưởng	1.119.060.585	1.005.128.620
<i>Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc</i>		
Lương và thưởng	5.284.271.470	4.449.703.190
<i>Thành viên Ban Kiểm soát</i>		
Thù lao và thưởng	442.421.650	342.688.150

45. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chuyển khoản phải trả nhân viên thành khoản vay dài hạn	864.000.000	803.000.000
Bù trừ khoản phải trả nhân viên với khoản vay dài hạn	-	82.000.000

46. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh được mang sang từ (i) các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh có liên quan; và (ii) số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh có liên quan.

Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Tổng Công ty và công ty con áp dụng Thông tư 99 và thay đổi trên cơ sở phi hồi tố các chính sách kế toán đối với một số khoản mục. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, một số số liệu thông tin so sánh được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

	Mã số	1/1/2026 (đã phân loại lại) VND	1/1/2026 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	445.073.492.702	436.534.883.081
Phải thu ngắn hạn khác	135	6.682.918.532	15.221.528.153
Phải trả cổ tức	313	595.791.493	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	6.334.675.695	6.930.467.188

Ngày 26 tháng 8 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hà
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt



Trần Thanh Bình
 Kế toán trưởng



Thân Đức Việt
 Tổng Giám đốc

